

Bản án số: 06 /2017/HSST
Ngày 27/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hoà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Đức Toàn và ông Đinh Mai Sao.

- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đinh Thị Viên, Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Ông Hà Văn Thiều, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại nhà Văn hóa xã T, huyện B, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2017/HSST ngày 21/11/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2017/HSST-QĐ ngày 15/11/2017 đối với bị cáo:

Mùa A C, sinh ngày 16 tháng 5 năm 1976; nơi sinh: huyện B, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: bản T, xã T, huyện B, tỉnh Sơn La; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Nguyên là nhân viên bảo vệ Trường mầm non H xã H; Trình độ văn hoá: lớp 9/12; con ông Mùa A T (đã chết) và con bà Sông Thị D (đã chết); bị cáo có vợ Phàng Thị C, sinh năm 1978 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền sự: không; tiền án: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2017 đến nay, có mặt tại phiên toà.

Người bị hại: Lường Phương L, sinh năm 1994; Nơi thường trú: bản C, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La; Tạm trú: bản H, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phàng Thị C, sinh năm 1978; nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện B, tỉnh Sơn La; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 00 phút, ngày 20/6/2017 tại khu vực đập thủy điện H thuộc bản H, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La; Tổ công tác Đoàn công an L C, huyện B cùng Ban Công an xã H làm nhiệm vụ kiểm tra hành chính đối với Mùa A C đang điều khiển xe máy Sirius màu đỏ đen Biển kiểm soát (BKS) 26E1- 02745. Khi bị kiểm tra Mùa A C tự giác lấy từ trong chiếc túi vải để trước giá để hàng xe máy ra 01

gói giấy nhỏ bên trong có 03 cục chất nhựa màu đen và 01 gói nilon màu xanh, bên trong chứa chất bột màu trắng, C khai nhận đó là ma túy. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người quả tang, thu giữ, niêm phong vật chứng gồm: 03 cục chất nhựa màu đen; 01 gói nilon màu xanh, bên trong chứa chất bột màu trắng; 01 xe máy Sirius màu đỏ đen Biển kiểm soát (BKS) 26E1- 02745 và 01 túi vải, đồng thời dẫn giải C đến Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện B để giải quyết theo thẩm quyền.

Trong quá trình điều tra C khai về nguồn gốc chất bột màu trắng (ma túy) là mua của một người đàn ông dân tộc Mông không biết tên, địa chỉ tại đường Tỉnh lộ 112 khu vực bản P, xã P vào ngày 17/6/2017 với số tiền 100.000VNĐ, C đã sử dụng một phần còn lại cất giấu trong túi vải; đối với 03 cục chất nhựa màu đen là mua của người phụ nữ dân tộc Mông không biết tên, địa chỉ tại đường Quốc lộ 37 thuộc địa phận thị trấn B, giá 50.000VNĐ; xe máy Sirius màu đỏ đen Biển kiểm soát (BKS) 26E1- 02745 C mượn của chị Phàng Thị C (chị C đã giao nộp 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 017243).

Ngày 21/6/2017 Cơ quan chức năng mở niêm phong, cân tịnh tang vật thu giữ khi bắt quả tang Mùa A C gồm: 03 cục chất nhựa màu đen có tổng trọng lượng là 1,1201 gam và lấy cả 03 cục chất nhựa làm mẫu vật gửi giám định, ký hiệu M1, M2, M3; cân tịnh chất bột màu trắng thu có trọng lượng là: 0,1392 gam, lấy toàn bộ chất bột màu trắng làm mẫu vật gửi giám định, ký hiệu M4.

Ngày 25/6/2017 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có Kết luận giám định số 662/KLMT, kết luận: “Không xác định được mẫu ký hiệu M1, M2, M3 là chất gì”; Mẫu vật gửi giám định ký hiệu M4 là chất ma túy; Loại chất Heroin; Trọng lượng của mẫu gửi giám định là 0,1392 (Không phải một ba chín hai) gam”.

Trong quá trình điều tra Mùa A C tự khai nhận: Khoảng 19 giờ ngày 25/5/2017, C cầm đèn pin đi bộ từ phòng làm việc (bảo vệ) của mình ở Trường Mầm non H, xã H đến nhà ở của chị Lường Phương L; khi thấy trời tối, vắng người qua lại, quan sát cửa chính nhà chị L thấy khóa ngoài, C đèn mở cửa hàng rào đi vào cửa nhà bếp, dùng tay đẩy cánh cửa bếp vào phía trong thì mở được cửa, liền đi vào trong thấy có một cánh cửa bằng ván gỗ, C dùng tay kéo cánh cửa ra và đi vào trong quan sát thấy có một chiếc túi màu nâu đỏ treo trên móc quần áo, C đi đến dùng tay phải mở khóa túi ra thấy có 02 tập tiền, bên ngoài mỗi tập tiền được bọc bằng mảnh giấy, C lấy toàn bộ số tiền cho vào túi quần đang mặc, rồi kéo khóa túi lại và đi về phòng làm việc C đem số tiền ra đếm được 14.000.000VNĐ. Khoảng 07 giờ ngày 26/5/2017 C lấy 2.000.000VNĐ, gồm 20 tờ tiền mệnh giá 100.000 VNĐ cho vào túi nilon màu trắng bọc lại cho vào 02 vỏ gói mỳ tôm lồng vào nhau, rồi chôn xuống nền đất trong phòng làm việc. Số tiền còn lại C làm rơi và chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 28/7/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã tiến hành xác định hiện trường và thu giữ được số tiền 2.000.000VNĐ chôn dưới nền đất trong phòng bảo vệ Trường Mầm non H, đã thống kê số sêri niêm phong gửi giám định. Ngày 07/8/2017, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có Kết luận giám định số 483/KLGD, kết luận: 20 (Hai mươi) tờ tiền VNĐ mệnh giá 100.000đ

(Một trăm nghìn đồng) có số mã hiệu ghi trong Thống kê số sêri tiền do Cơ quan CSĐT Công an huyện B lập là tiền thật.

Ngày 13/8/2017 chị Lương Phương L đã giao nộp 01 chiếc túi giả da màu đỏ có 02 khóa séc để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 25 và 29/8/2017 Cơ quan chức năng tổ chức thực nghiệm điều tra tại hiện trường nhà chị L và cho C nhận dạng vật chứng để xác định chiếc túi để tiền C đã chiếm đoạt tại nhà chị L.

Ngày 01/10/2017 Phàng Thị C và Mùa A P (vợ, con của C) đã tự thỏa thuận và bồi thường số tiền 12.000.000VNĐ cho chị Lương Phương L.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đó là do nghiện ma túy, không có tiền chi tiêu nên chiếm đoạt tài sản; đã tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân thì bị phát hiện bắt giữ như cáo trạng đã nêu.

Bản cáo trạng số 24/KSĐT-MT ngày 20/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Yên truy tố bị cáo Mùa A C về các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 194 và khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo C; đề nghị tuyên bố bị cáo Mùa A C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 194; khoản 1 Điều 138; điểm b, o, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội, xử phạt bị cáo Mùa A C từ 18 đến 21 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tổng hợp hình phạt buộc Mùa A C phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 24 đến 30 tháng tù; không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại: 01 túi giả da màu nâu đỏ, có 02 khóa séc và tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 2.000.000VNĐ cho chị Lương Phương L; 01 xe máy Sirius màu đỏ đen, nhãn hiệu YAMAHA, BKS 26E1-02745, số máy 720290 và 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 017243 cho chị Phàng Thị C; Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy 01 túi vải màu đen có dây đeo đã qua sử dụng; Miễn án phí cho bị cáo C.

Bị cáo Mùa A C tự bào chữa, tranh luận: nhất trí với cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Yên; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng sự khoan hồng.

Người bị hại tranh luận: Nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh và luật áp dụng, đã nhận được số tiền bồi thường là 12.000.000VNĐ, còn lại 2.000.000 VNĐ và chiếc túi Cơ quan chức năng đã thu giữ xin được nhận lại, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phàng Thị C tranh luận: nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xin nhận lại chiếc xe máy, giấy đăng ký xe máy và không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo theo các tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết bị cáo Mùa A C phạm tội, đề nghị phạt tù bị cáo là có căn cứ, phù hợp với lời tự bào chữa của bị cáo và có cơ sở để khẳng định: bị cáo Mùa A C là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ngày 20/6/2017 bị cáo đã cất giấu, cất giữ trái phép chất ma túy (Heroin) trong túi vải màu đen để trước giá để hàng xe máy Sirius BKS 26E1- 02745 do bị cáo điều khiển đi đến khu vực bản H, xã H, huyện B thì bị bắt, bị lập biên bản phạm tội quả tang; mở niêm phong cân tịnh tang vật (chất bột màu trắng) thu giữ với C có tổng trọng lượng (khối lượng) 0,1392 gam, lấy mẫu giám định ký hiệu M4; tại kết luận giám định số: 662/KLMT, ngày 25/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, Kết luận: Mẫu ký hiệu M4 là chất ma túy; Loại chất Heroin; Trọng lượng của mẫu gửi giám định là 0,1392 gam.

Ngoài hành vi trên vào khoảng 19 giờ ngày 25/5/2017, bị cáo C còn lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, lén lút mở cửa vào trong nhà lục tìm lấy số tiền 14.000.000VNĐ của chị Lường Phương L để trong chiếc túi giả da màu nâu đỏ, mang về cất giấu (chôn dưới nền đất) tại phòng làm việc của C số tiền 2.000.000VNĐ (gồm 20 tờ tiền mệnh giá 100.000VNĐ), số tiền còn lại đã chi tiêu cá nhân hết.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung cáo trạng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ của vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Mùa A C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 “Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm” và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 “Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Xét tính chất, mức độ của hành vi thấy bị cáo là viên chức có điều kiện hiểu biết pháp luật, được Đảng và Nhà nước tuyên truyền về cấm sản xuất, mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy nhưng lại không chuyên tâm, tận tụy

với công việc, làm ăn lương thiện giúp gia đình phát triển kinh tế mà hưởng thụ bằng tài sản của người khác, ăn chơi, đua đòi và đã nghiện ma túy; với mục đích vụ lợi cho bản thân trong thời gian ngắn từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2017 bị cáo đã liên tiếp thực hiện hai tội phạm đó là lợi dụng sự sơ sỏ của chủ sở hữu đi vắng, lén lút chiếm đoạt tài sản của chị L với số tiền là 14.000.000VNĐ và cất giữ, cất giấu trái phép 0,1392 gam Heroin. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy; xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của chị Liên; trong khi thực hiện hành vi xâm phạm về sở hữu bị cáo có sự tính toán và chuẩn bị trước; tội phạm bị cáo thực hiện đã hoàn thành, hậu quả xảy ra không những làm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, sự phát triển về thể chất của con người, suy giảm khả năng lao động do nghiện ma túy và kinh tế của gia đình bị cáo mà còn làm ảnh hưởng đến tài sản kinh tế của chị L, ảnh hưởng xấu về trật tự trị an của địa phương, xã hội, là nguyên nhân gây ra những loại tội phạm, vi phạm pháp luật khác. Xét thấy cần phải áp dụng một mức án phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

Tuy nhiên cũng cần xem xét tình tiết giảm nhẹ, khoan hồng cho bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng, nhân thân không có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo luôn thể hiện sự cắn rứt, dày vò lương tâm, chấp hành tốt nội quy, quy định nhà tạm giữ, tạm giam...); tích cực bồi thường (bị cáo đã tác động gia đình thỏa thuận bồi thường cho người bị hại); đã tự thú khai nhận ra lần phạm tội trước; trọng lượng ma túy không lớn, mục đích tàng trữ trái phép ma túy để sử dụng, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, xa, vùng ba, nhận thức pháp luật có phần hạn chế, tuổi bị cáo còn trẻ cần xem xét giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội. Do đó, cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, o, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Mặt khác tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định: 1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy... thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm; theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội và Mục 119 trong Danh mục kèm theo Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của TAND Tối cao thì đây là một quy định có lợi được áp dụng cho người phạm tội.

Bị cáo C có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự nhưng bị cáo phạm nhiều tội, không có khả năng tự cải tạo nên cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để đảm bảo cho việc giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội về sau và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa, giáo dục chung cho các hành vi tương tự ở địa phương hiện nay.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, Biên bản xác minh tài sản, lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định: bị cáo không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

Riêng hành vi bị cáo C khai nhận được mua bán trái phép chất ma túy với người đàn ông dân tộc Mông, cơ quan chức năng đã điều tra, xác minh nhưng không có cơ sở chứng minh, xử lý; việc bị cáo có cất giữ 03 cục chất nhựa màu đen nhưng không xác định được là chất gì nên không đủ căn cứ xử lý hành vi này.

Về biện pháp ngăn chặn: Bị cáo phạm tội nghiêm trọng nên cần áp dụng Điều 228 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm việc thi hành án; bị cáo bị tạm giữ, giam từ ngày 20/6/2017 được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan chức năng đã đưa đi giám định 0,1392 gam chất bột màu trắng và 03 cục chất nhựa màu đen, không hoàn lại mẫu giám định nên không có cơ sở xử lý. Theo Quyết định chuyển vật chứng số: 13/KSĐT ngày 16/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B và biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/10/2017:

01 xe máy Sirius màu đỏ đen, nhãn hiệu YAMAHA, BKS 26E1-02745, số máy 720290 và 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 017243 mang tên Phàng Thị C là tài sản thuộc sở hữu của chị Phàng Thị C, chị C không biết việc bị cáo đã sử dụng khi phạm tội nên cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, căn cứ khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 túi vải màu đen có dây đeo đã qua sử dụng là vật dụng của bị cáo C đã sử dụng làm công cụ để cất giữ trái phép chất ma túy, vật không có giá trị, cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 túi giả da màu nâu đỏ, có 02 khóa séc hai ngăn mặt trước có hình ô ly và tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 2.000.000VNĐ (thu giữ tại hiện trường bị cáo C cất giấu, hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 0149) là tài sản thuộc quyền sở hữu của chị Lương Phương L nên cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, căn cứ khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: chị Lương Phương L đã nhận được tiền bồi thường tài sản là 12.000.000 VNĐ; số tiền 2.000.000VNĐ còn lại Cơ quan chức năng đã thu giữ, chị L xin được nhận lại và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại tài sản gì thêm và không ai đề nghị ghi nhận việc bồi thường trên.

Về án phí: Tài liệu trong hồ sơ xác định bị cáo là hộ nghèo, dân tộc thiểu số, tại phiên tòa bị cáo xin miễn nộp tiền án phí; theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Mùa A C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; khoản 1 Điều 138; Điều 33; điểm b, o, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 249; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội; xử phạt Mùa A C 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tổng hợp hình phạt buộc Mùa A C phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 20/6/2017; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo C.

Áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại:

01 túi giả da màu nâu đỏ, có 02 khóa séc hai ngăn mặt trước có hình ô ly, loại túi xách có dây đeo dài 60 cm và tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 2.000.000VNĐ cho chị Lương Phương L;

01 xe máy Sirius màu đỏ đen, nhãn hiệu YAMAHA, BKS 26E1-02745, số máy 720290, xe không có gương, yếm bên trái, bên phải bị vỡ, mặt nạ xe có nhiều vết trầy xước và 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 017243 mang tên Phàng Thị C cho chị Phàng Thị C.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy 01 túi vải màu đen có dây đeo đã qua sử dụng của Mùa A C.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Mùa A C.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/12/2017).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- CA huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND, CA xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ; Đ/c Trang.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoà

